

NHU CẦU HỖ TRỢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

 CÙ THỊ THANH THÚY*

Ngày nhận: 27/10/2023

Ngày phản biện: 22/11/2023

Ngày duyệt đăng: 01/12/2023

Tóm tắt: Hỗ trợ người học là một trong những hoạt động được xác định là quan trọng nhằm giúp sinh viên có động lực hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập tại Trường Đại học Công đoàn. Dữ liệu trong bài viết này được trích từ đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa Xã hội học đạt giải Nhất cấp trường năm học 2022 - 2023: "Nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên Trường Đại học Công đoàn". Bài viết tập trung phân tích hai nội dung cơ bản: thứ nhất, đánh giá của sinh viên về hoạt động hỗ trợ người học tại Trường Đại học Công đoàn; thứ hai, phân tích nhu cầu của sinh viên về hoạt động hỗ trợ người học tại Trường Đại học Công đoàn. Hai nội dung trên được triển khai ở ba chiều cạnh: 1) hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác; 2) hoạt động giám sát sự tiến bộ, kế hoạch học tập của người học; 3) về cơ sở vật chất và cảnh quan của Nhà trường.

Từ khóa: hỗ trợ người học; nhu cầu; sinh viên.

ACADEMIC SUPPORT NEEDS OF STUDENTS OF TRADE UNION UNIVERSITY

Abstract: Supporting learners is one of the activities identified as important to help students be motivated to successfully complete their learning tasks at Trade Union University. The data in this article is extracted from the scientific research project of a student in the department of sociology who won first prize at the school level for the 2022 - 2023 school year on "Learning support needs of student at Trade Union University". This article focuses on analyzing two basic contents: first, students' evaluation of learner support activities at Trade Union University; Second, analyze student needs for learner support activities at Trade Union University. The above two contents are implemented in three aspects: 1) academic consulting activities, extracurricular activities and other support services; 2) activities to monitor learners' progress and learning plans; 3) about the school's facilities and landscape.

Keywords: learner support; needs; students.

1. Đặt vấn đề

Hỗ trợ học tập (HTHT) cho người học là một trong số 11 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ Đại học - trong bối cảnh kiểm định chương trình đào tạo là yêu cầu bắt buộc đối với các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Để đáp ứng tiêu chí này, Nhà trường đóng vai trò quan trọng bao gồm: 1) cung cấp nguồn tài nguyên và dịch vụ hỗ trợ học tập cho sinh viên (SV) như thư viện, phòng máy tính, cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo, phần mềm, nguồn thông tin trực tuyến và các tài liệu điện tử khác...; 2) thiết kế và triển khai các chương trình đào tạo phù hợp bao gồm các chương trình cấp chứng chỉ, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, 3) thực hiện cải tiến các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế của các ngành nghề trên thị trường lao động, 4) tổ chức các khóa đào tạo và huấn luyện cho giảng viên, nhằm nâng cao năng lực giảng dạy, giúp giảng viên xây dựng các chương trình học tập hiệu quả và cải tiến phương pháp giảng dạy, 5) cung cấp các dịch vụ tư vấn, trợ giúp về tài chính, nghỉ học, sức khỏe v.v...6) xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp

và tổ chức trong cộng đồng, giúp SV có cơ hội thực tập và đưa kiến thức từ lớp học vào thực tế.

Về phía sinh viên SV rất cần sự HTHT vì rất nhiều lý do như: 1. Khó khăn trong việc hiểu và nắm bắt kiến thức cốt lõi của các môn học; 2. Không biết cách áp dụng kiến thức cho thực tế cuộc sống, công việc hoặc các cuộc thi trong nước và quốc tế; 3. Khó khăn trong việc nghiên cứu và viết các bài tập, luận văn, đồ án hoặc các đề tài khác; 4. Thiếu kỹ năng học tập hiệu quả, bao gồm kỹ năng ghi chú, đọc hiểu, và tổ chức thời gian, làm bài tập, đánh giá và xét duyệt lại các bài tập; 5. Thiếu kinh nghiệm thực tế khi học tập. Một số SV muốn thực hành kiến thức của mình, tìm hiểu về chuyên ngành thông qua các chương trình thực tập; 6. Khó khăn về tâm lý, áp lực đòi hỏi để đạt thành tích tốt, xử lý các vấn đề trong quá trình học tập. Tổ chức HTHT hiệu quả có thể giúp SV giải quyết các khó khăn này và nâng cao kỹ năng của họ trong quá trình học tập. Do đó, nhu cầu HTHT của SV là rất quan trọng và cần được đáp ứng đầy đủ.

* Trường Đại học Công đoàn

Trong bài viết này, căn cứ vào các tiêu chí của tiêu chuẩn 8 trong hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, tiến hành đo lường nhu cầu HTHT của SV được khuôn gọn lại trong ba nội dung cụ thể: 1) Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác; 2) Hoạt động giám sát sự tiến bộ, kế hoạch học tập của người học; 3) Về cơ sở vật chất và cảnh quan của Nhà trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng hai phương pháp chính bao gồm: phương pháp phân tích tài liệu có sẵn (thu thập thông tin thứ cấp); và phương pháp khảo sát điều tra Xã hội học (định tính và định lượng - thu thập thông tin sơ cấp).

Phương pháp phân tích tài liệu khai thác đa dạng các nguồn tham khảo về chủ đề nhu cầu HTHT của SV, bao gồm các bài báo, báo cáo và tổng kết nghiên cứu, các báo cáo kiểm định chất lượng đào tạo. Cụ thể, các khái niệm trong bài viết được thao tác theo Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; đồng thời tham khảo Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành của Trường Đại học Công đoàn.

Dữ liệu trong bài viết này được trích từ đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa Xã hội học đạt giải Nhất cấp trường năm học 2022 - 2023: "Nhu cầu hỗ trợ học tập của sinh viên Trường Đại học Công đoàn". Khảo sát Xã hội học được tiến hành theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện ở tất cả các ngành đào tạo trong Trường Đại học Công đoàn. Tổng số phiếu khảo sát 234 phiếu, cùng 6 phỏng vấn sâu SV và giảng viên (GV) nhà trường.

3. Một số khái niệm

** Hỗ trợ học tập*

Căn cứ vào "Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học" ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng (sau đây gọi là tài liệu 1669), hoạt động hỗ trợ người học bao gồm: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá; Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học; Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học; Môi trường tâm

lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Trong 5 tiêu chí kể trên, có 3 tiêu chí mà theo tài liệu hướng dẫn 1669 yêu cầu phải có các báo cáo và phản hồi về kết quả của người học: 1) hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, dịch vụ hỗ trợ khác; 2) hoạt động giám sát sự tiến bộ, kế hoạch học tập của SV; 3) cơ sở vật chất, môi trường, cảnh quan.

** Nhu cầu hỗ trợ học tập*

Nhu cầu (needs) là một khái niệm có nội hàm tương đối rộng, bao gồm những yêu cầu, kì vọng, động cơ, mong muốn của người học (Brindley 1989). Phân tích nhu cầu (needs analysis) là quá trình xác định và sắp xếp các nhu cầu này theo mức độ ưu tiên (Richards, J. C., & Schmidt 2002). Phân tích nhu cầu được ví như việc chẩn đoán của bác sĩ trước khi kê đơn thuốc cho bệnh nhân (Long 2005).

Nói cách khác, nhu cầu là một hiện tượng tâm lý của con người; là đòi hỏi, mong muốn, nguyện vọng của con người về vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển. Tùy theo trình độ nhận thức, môi trường sống, những đặc điểm tâm sinh lý, mỗi người có những nhu cầu khác nhau. Nhu cầu là yếu tố thúc đẩy con người hoạt động. Nhu cầu chi phối mạnh mẽ đến đời sống tâm lý chung, đến hành vi của con người nói riêng.

Nhu cầu hỗ trợ học tập bao gồm những yêu cầu, kì vọng, động cơ, mong muốn của người học đối với Nhà trường và thầy cô giáo về các hoạt động hỗ trợ học tập bao gồm: 1) nhu cầu của SV về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, dịch vụ hỗ trợ khác; 2) nhu cầu về hoạt động giám sát sự tiến bộ, kế hoạch học tập của SV; 3) nhu cầu về cơ sở vật chất, môi trường, cảnh quan.

4. Đánh giá của sinh viên về hoạt động hỗ trợ học tập

** Về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, dịch vụ hỗ trợ khác*

Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ có vai trò giúp SV: 1) nắm vững nội quy, quy chế đào tạo, cách thức tính điểm học phần, điểm tổng kết học kỳ, điểm tổng kết khóa học; 2) biết cách chấm điểm rèn luyện, thi đua; 3) biết xây dựng kế hoạch học tập phù hợp; 4) biết cách thức tham gia các kỳ thi, thi lại, học lại, học cải thiện; 4) biết cách tổ chức, tham gia các hoạt động ngoại khóa do Đoàn trường và Hội SV tổ chức; 5) nắm được các hoạt động liên quan đến khen thưởng, kỉ luật, bảo lưu, cảnh báo, dừng học, thôi học.

Tại Trường Đại học Công đoàn, hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập được phân quyền chủ yếu về cho các

Khoa chủ quản, cụ thể: giáo vụ khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, ban cán sự lớp. Đánh giá mức độ tích cực, nhiệt tình của đội ngũ hỗ trợ học tập ở các khoa chủ quan, kết quả như sau:

Bảng 1. Đánh giá của sinh viên về đội ngũ tư vấn hỗ trợ học tập (N=234) (%)

	Rất tích cực, nhiệt tình	Tương đối tích cực, nhiệt tình	Chưa tích cực, nhiệt tình
Hoạt động HTHT của GV chủ nhiệm	67,5	30,8	1,7
Hoạt động HTHT của cố vấn học tập	46,2	43,6	10,3
Hoạt động HTHT của giáo vụ	47,9	47,0	5,1
Hoạt động HTHT của ban cán sự lớp	52,1	34,2	13,7

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Hoạt động tư vấn HTHT của GV chủ nhiệm được đánh giá “rất tích cực, nhiệt tình” chiếm 67,5%, thể hiện ghi nhận của SV đối với sự quan tâm của các thầy cô giáo chủ nhiệm, 52,1% đánh giá ban cán sự lớp “rất tích cực, nhiệt tình”; 47,9% đánh giá giáo vụ “rất tích cực, nhiệt tình”; trong khi cố vấn học tập đánh giá thấp hơn 46,2% SV cho là “rất tích cực nhiệt tình”.

“Cô giáo chủ nhiệm luôn luôn hỏi han, chỉ bảo và giải đáp các thắc mắc. Việc giải đáp này giúp cho các SV giải quyết được các vấn đề mà bản thân đang vướng mắc và chưa đưa ra được biện pháp để giải quyết” (PVS, Nam, SV năm 3, Khoa XHH).

Đối với hoạt động ngoại khóa tại trường, các Khoa chủ quản và Đoàn Thanh niên đã thành lập các CLB hoạt động chuyên môn, thiện nguyện và giải trí. Hằng năm, các CLB đều xây dựng kế hoạch hoạt động, tuyển thành viên, duy trì hoạt động thường niên, góp phần tạo ra môi trường phát triển lành mạnh cho SV. Hội SV cũng tích cực vận động hội viên tham gia các CLB như: CLB vận động hiến máu nhân đạo; CLB Tiếng hát SV; CLB Múa; CLB Cầu lông, CLB Tennis, CLB bóng đá, CLB MC sự kiện,... Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ SV đã góp phần đáng kể cải thiện việc học, đặc biệt là CLB Tiếng Anh.

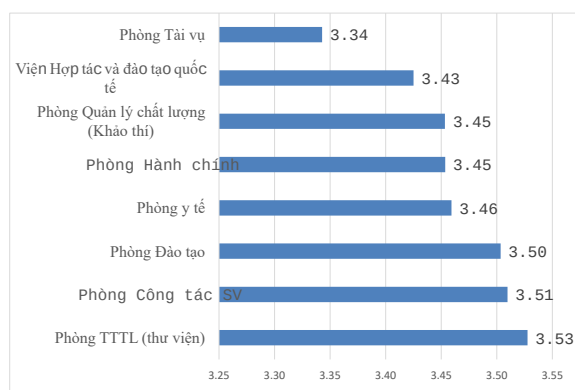
Cụ thể: Có 38,5% SV cho rằng trường có nhiều hoạt động ngoại khóa cho SV; có 29,1% SV cho rằng trường chưa có nhiều hoạt động ngoại khóa cho SV; có 16,2% SV cho rằng trường ít có hoạt động ngoại khóa cho SV; 13,7% SV cho rằng trường hầu như không có hoạt động ngoại khóa cho SV.

“Ngoài việc học tập ra thì hoạt động ngoại khóa là một hoạt động được các SV vô cùng đón chờ. Các hoạt động ngoại khóa ngoài việc giúp cho SV thực

hành, áp dụng các lý thuyết mà mình đã học vào cuộc sống hiện tại mà nó còn giúp cho các SV có thời gian vui chơi bên bạn bè và các thầy cô của mình” (PVS, Nữ, Giảng viên).

“Các hoạt động ngoại khóa sẽ tạo ra môi trường phát triển lành mạnh và hình thành lối sống tích cực. Điều này còn giúp SV có thể tiếp thu kiến thức, kỹ năng một cách nhanh chóng, chủ động để hiểu rõ bản thân, tự nhận thức tốt hơn và có những định hướng đúng đắn, phù hợp với khả năng và nhu cầu trong tương lai” (PVS, giảng viên).

Thêm vào đó, đánh giá các hoạt động hỗ trợ của các phòng ban chức năng đối với hoạt động học tập của SV. Sử dụng thang đo 5 điểm (trong đó 5 điểm là cao nhất) để hỏi về mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động HTHT của các phòng ban chức năng. Điểm trung bình được đánh giá như sau:



Biểu đồ 1. Mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ học tập của các phòng/ban chức năng trong nhà trường

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Biểu đồ cho thấy Phòng Thông tin tư liệu, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo được đánh giá mức độ hài lòng cao hơn các phòng ban khác về hoạt động HTHT cho SV. Trong khi Viện Hợp tác và Đào tạo quốc tế và Phòng Tài vụ có mức độ hài lòng ít hơn.

* Về hoạt động giám sát sự tiến bộ, kế hoạch học tập của sinh viên

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Trường đã phân công các chức năng thực hiện giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện về các Khoa chủ quản. Công việc cụ thể bao gồm: thu thập, phân tích, xử lý thông tin về kết quả học tập rèn luyện theo học kỳ; trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của SV ở từng học phần cụ thể; tư vấn, hướng dẫn, động viên SV trong quá trình học tập; xác nhận kết quả đạt được của SV;

cung cấp thông tin phản hồi cho GV và SV để điều chỉnh quá trình dạy và học.

Với câu hỏi: Trong quá trình học tập, Anh/chị nhận được sự hỗ trợ theo dõi sự tiến bộ và kế hoạch học tập như thế nào? Kết quả cụ thể:

Bảng 2. Đánh giá của sinh viên về mức độ giám sát sự tiến bộ trong học tập (N=234) (%)

		Chưa bao giờ giám sát hỗ trợ	Thỉnh thoảng giám sát hỗ trợ	Thường xuyên giám sát hỗ trợ
1	Cố vấn học tập	35,9	49,6	14,5
2	Giáo viên chủ nhiệm	23,1	57,3	19,7
3	Giảng viên bộ môn	21,4	60,7	17,9
4	Ban cán sự lớp	18,8	53,0	28,2

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Kết quả khảo sát cho thấy, SV nhận được sự giám sát theo dõi sự tiến bộ và kế hoạch học tập thường xuyên chủ yếu từ ban cán sự lớp (28.2%); giáo viên chủ nhiệm (19.7%); GV bộ môn (17.9%); cố vấn học tập (14.5%). Với mức độ hỗ trợ như trên cho thấy SV đánh giá chưa cao mức độ hỗ trợ thường xuyên, liên tục của nhóm cố vấn học tập, thậm chí có 35.9% SV chưa bao giờ nhận được sự hỗ trợ của cố vấn học tập.

"Mình là SV năm 2, nhưng chưa bao giờ thấy cố vấn học tập lên lớp mình để trao đổi về kế hoạch học tập, hay tư vấn cho chúng mình nội dung gì liên quan đến học tập rèn luyện. Chủ yếu có vấn đề gì thì ban cán sự họp triển khai trong lớp thôi. Giáo viên chủ nhiệm thì cô có lên đầu kỳ để trao đổi chủ yếu về vấn đề học lại, thi lại, nợ học phí" (PVS, nữ, SV năm 2, Khoa TCNH).

Tuy nhiên ở nội dung này, SV Lào là nhóm SV đánh giá cao sự giám sát tiến bộ trong học tập của các thầy cô giáo, phòng ban chức năng.

"Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất để lưu học sinh Lào yên tâm học tập và sinh hoạt. Từ Ban Giám hiệu nhà trường đến Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo, Viện Hợp tác và đào tạo quốc tế, các thầy cô giáo ở các Khoa đều quan tâm, giúp đỡ. Các bạn SV của trường rất tốt bụng, năng động và học giỏi. Các thầy cô trong khoa, cố vấn học tập cũng hướng dẫn trao đổi nhiệt tình về việc học" (PVS, nam, SV năm 2, Khoa XHH).

* Về cơ sở vật chất, môi trường, cảnh quan

Cơ sở vật chất, môi trường, cảnh quan của

Trường được SV đánh giá là đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, học tập.

Bảng 3. Đánh giá của sinh viên về hệ thống cơ sở vật chất (N=234) (%)

		Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
1	Hệ thống cơ sở thư viện	53,8	37,6	6,0
2	Hệ thống chiếu sáng giảng đường	49,6	44,4	4,3
3	Hệ thống âm thanh, loa, micro	47,8	45,3	5,1
4	Hệ thống giảng đường, phòng học	43,6	46,2	8,5
5	Hệ thống bàn, ghế trong các giảng đường	43,6	47,0	6,8
6	Hệ thống máy chiếu, bảng	42,8	43,6	12,0
7	Hệ thống quạt, làm mát tại hội trường	40,2	36,8	19,7
8	Căng tin	40,2	48,7	9,4
9	Nhà vệ sinh	35,0	41,0	21,4
10	Hệ thống nhà gửi xe	31,6	48,7	17,9

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Đánh giá của SV về hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường chủ yếu ở mức độ hài lòng, trong đó hệ thống cơ sở thư viện; hệ thống chiếu sáng giảng đường; hệ thống âm thanh, loa, micro; hệ thống giảng đường, phòng học được đánh giá cao. Trong khi nhà vệ sinh và hệ thống nhà gửi xe chưa đáp ứng được kỳ vọng của SV.

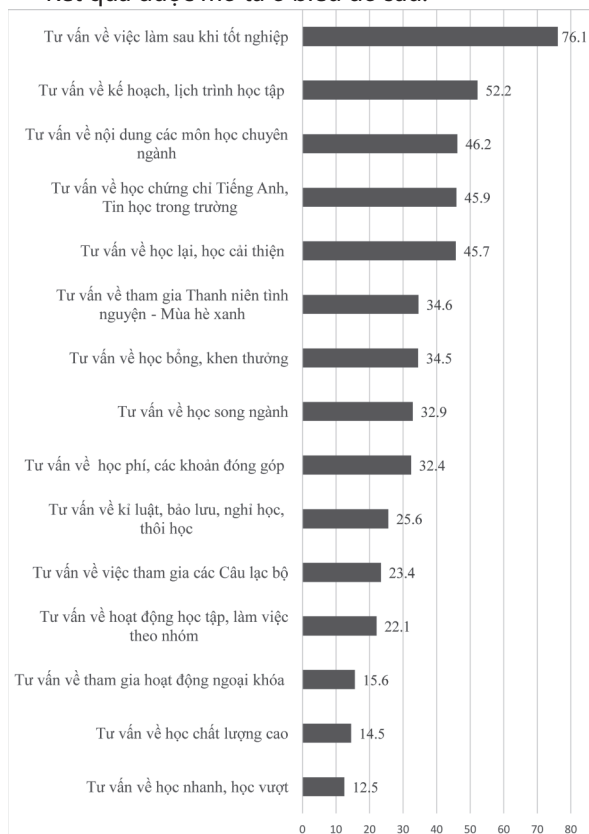
Ngoài ra, SV đánh giá tích cực về cảnh quan Nhà trường, "cảnh quan tương đối đẹp, sạch sẽ" chiếm 62,4% và theo sau đó là "cảnh quan đẹp, sạch sẽ" với 34,2%. Cuối cùng là việc đánh giá "cảnh quan chưa đẹp, chưa sạch sẽ" với 3,4%.

"Em có sang một số trường đại học của bạn bè để chơi, thì thấy trường họ không đẹp bằng trường mình. Trường mình có nhiều cây xanh, thoáng đãng. Không gian rộng, sạch sẽ. Nói chung là em thấy hài lòng" (PVS, nữ, SV năm 2, Khoa QHLD).

Tóm lại, đánh giá hoạt động tư vấn HTHT cho thấy vai trò quan trọng của GV chủ nhiệm, ghi nhận sự tích cực, nhiệt tình trong hoạt động tư vấn HTHT cho SV, trong khi cố vấn học tập chưa được đánh giá cao về sự tích cực nhiệt tình so với các nhóm hỗ trợ khác. Đa số SV cho rằng trường đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, nhưng vẫn còn một bộ phận cho rằng số lượng hoạt động ngoại khóa của trường còn ít. Đánh giá của SV đối với hoạt động hỗ trợ của các phòng/ban chức năng trong Nhà trường cho thấy Phòng Thông tin tư liệu, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo được đánh giá mức độ hài lòng cao hơn các phòng ban khác về hoạt động HTHT cho SV.

5. Nhu cầu của sinh viên về hoạt động hỗ trợ người học

* Nhu cầu của sinh viên về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả được mô tả ở biểu đồ sau:



Biểu đồ 2. Nhu cầu của sinh viên về hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập (%)

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Mong muốn của SV hiện nay là được tư vấn về vấn đề việc làm sau khi ra trường (76,1%), lịch trình, kế hoạch học tập (52,2%); các môn học chuyên ngành (46,2%). Nhiều SV do định hướng ngành nghề không tốt, nên nhiều khi lựa chọn ngành học mà không biết ngành đó học những gì, ra trường sẽ làm công việc gì. Nhiều sinh viên hoang mang, thậm chí chán nản bỏ học. Do vậy, nhu cầu được tư vấn về những nội dung này được nhiều SV mong mỏi.

"SV quan trọng nhất đó là những thành quả đạt được sau khi ra trường, hoạt động tư vấn việc làm cho SV không chỉ là hoạt động mong muốn nhất của SV mà còn là một hoạt động thiết thực và cần được ưu tiên hàng đầu" (PVS, nữ, giảng viên).

* Nhu cầu của sinh viên về hoạt động giám sát sự tiến bộ, kế hoạch học tập.

Hoạt động hỗ trợ người học của Trường Đại học Công đoàn hiện nay được tập trung tại 3 đơn vị trong trường gồm Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo, các khoa chủ quản.

Bảng 4. Nhu cầu của sinh viên về hoạt động giám sát sự tiến bộ học tập (N=234)

TT		Tần số	Tỷ lệ%
1	Mong cố vấn học tập trực tất cả các ngày trong tuần	189	80,8
2	Mong giáo viên chủ nhiệm thường xuyên lên lớp để nhắc nhở các bạn hay nghỉ học	167	71,4
3	Mong cố vấn học tập họp với lớp đầu mỗi kỳ học	143	61,1
4	Mong Nhà trường tổ chức các buổi lễ hình thức tuyên dương khen thưởng, để động viên sự tiến bộ của SV	113	48,3
5	Mong Khoa gửi điểm thông báo về nhà cho cha mẹ	89	38
6	Mong giáo vụ Khoa giải quyết nhanh những thông tin thắc mắc về điểm thi, điểm rèn luyện.	69	29,5
7	Mong muốn được xem xét, theo dõi kết nạp Đảng CSVN	24	10,3
8	Khác	24	10,3

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Mong muốn lớn nhất của SV về hoạt động giám sát sự tiến bộ học tập là mong cố vấn học tập trực tất cả các ngày trong tuần 80,8%; mong giáo viên chủ nhiệm thường xuyên lên lớp để nhắc nhở các bạn hay nghỉ học 71,4%; mong cố vấn học tập họp với lớp đầu mỗi kỳ học 61,1%.

Hiện nay, đội ngũ cố vấn học tập ở các khoa chủ yếu là giảng viên kiêm nhiệm, do đó lịch trực cố vấn học tập chỉ vài buổi/tuần do giảng viên còn đi giảng dạy, do đó việc gặp cố vấn học tập khi cần của SV đôi khi không thuận tiện, vì có khi những ngày cố vấn học tập trực lại không phải là ngày đi học của SV. Ngoài ra, nhiều SV cũng mong mỗi giáo viên chủ nhiệm thường xuyên lên lớp nhắc nhở các bạn nghỉ học nhiều, kịp thời động viên khi SV có tâm lý lười học, chán nản, hoặc mãi đi làm thêm, sao nhãng việc học.

"Lớp em có nhiều bạn mãi đi làm thêm, thường xuyên nghỉ học vì đi làm về mệt quá. Ban cán sự gọi điện mấy lần để nhắc bạn đi học, nhưng không có hiệu quả. Nếu thầy cô gọi thì có lẽ bạn sẽ đi học thường xuyên hơn" (PVS, nam, SV năm 3, Khoa QHLĐ).

Ngoài ra, để chủ động trong hoạt động học tập, SV cũng mong muốn được hỗ trợ về kế hoạch học tập trong năm học. Cụ thể:

Bảng 5. Nhu cầu của sinh viên về kế hoạch học tập

		Tần số	Tỷ lệ%
1	Lịch nghỉ các ngày lễ, tết trong năm ngay từ đầu học kỳ	208	88,9
2	Lịch học lại, cải thiện được thông báo ngay từ đầu học kỳ	184	78,6
3	Lịch thi lần 1 và thi lại được thông báo ngay từ đầu kỳ học	188	80,3
4	Mong muốn được biết rõ lịch học, lịch thi theo năm	210	89,7
5	Kế hoạch thực hành, thực tập của các học phần được thông báo ngay từ đầu kỳ.	206	88,0
6	Kế hoạch học GDQP/AN được thông báo ngay từ đầu kỳ học	198	84,6

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Theo dữ liệu khảo sát trên đây cho thấy SV rất quan tâm đến kế hoạch học tập, lịch học: có 89,7% SV mong muốn được biết rõ lịch học, lịch thi theo năm, 88,9% SV mong muốn được biết lịch nghỉ các ngày lễ, Tết trong năm ngay từ đầu học kỳ, 88,0% SV mong muốn kế hoạch thực hành, thực tập của các học phần được thông báo ngay từ đầu kỳ. Bên cạnh đó 84,6% SV mong muốn kế hoạch học giáo dục quốc phòng an ninh được thông báo ngay từ đầu kỳ học. Ngoài ra, 80,3% SV mong muốn lịch thi lần 1 và thi lại được thông báo ngay từ đầu kỳ học và 78,6% SV mong muốn lịch học lại, cải thiện được thông báo ngay từ đầu học kỳ. Qua đó, có thể thấy SV rất quan tâm đến kế hoạch học tập và lịch học của mình trên trường.

* *Nhu cầu của sinh viên về cơ sở vật chất, môi trường, cảnh quan*

Mặc dù cơ sở vật chất, môi trường, cảnh quan của Trường được SV đánh giá là đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, học tập. Tuy nhiên, SV vẫn mong muốn Nhà trường quan tâm cải tạo cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hơn, tạo nhiều không gian mở cho SV.

Với câu hỏi: Theo anh chị, cơ sở vật chất của Nhà trường cần cải thiện ở những nội dung nào dưới đây? Với 3 mức độ trả lời: Rất cần thiết, cần thiết, chưa cần thiết.

Bảng 6. Nhu cầu của sinh viên về cơ sở vật chất của Nhà trường (%)

		Rất cần thiết	Cần thiết	Chưa cần thiết
1	Trang bị hệ thống camera cho phòng học	32,1	24,6	43,3
2	Trang bị hệ thống tivi cho phòng học	43,6	13,5	42,9
3	Trang bị wifi cho từng dãy giảng đường	43,1	34,6	22,3
4	Đưa hệ thống điều hòa các phòng học vào hoạt động	76,2	22,4	1,4
5	Mở rộng diện tích nhà vệ sinh	65,4	23,5	11,1
6	Mở rộng diện tích căng tin hiện có	45,8	15,8	38,4
7	Tăng số lượng căng tin trong nhà trường	23,7	12,9	63,4
8	Mở rộng cửa/nhiều cửa cho nhà xe	67,0	12,3	20,7

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát của đề tài tháng 4/2023)

Trong bối cảnh mùa hè nóng nực, điều SV mong mỏi là Nhà trường đưa hệ thống điều hòa đã được lắp đặt vào hoạt động (72,6%), để SV có không gian thoải mái nhất trong học tập. Việc mở rộng nhà vệ sinh cũng được các bạn SV mong mỏi, cho là rất cần thiết (65,4%). Nhu cầu bức thiết thứ 3 là Nhà trường mở rộng cửa/nhiều cửa cho nhà xe (67%).

"Mùa hè chúng em ngồi học trên tầng 7 nhà B rất nóng, nhiều khi đang ở nhà mát, nghĩ đến lớp nóng bức, có nhiều bạn cũng ngại. Nên lớp em ai cũng mong bật được cái điều hòa để ở trên đầu" (PVS, nữ, SV năm 3, Khoa Xã hội học).

"Giờ nghỉ giải lao chúng em có 10 phút thôi, mà nhiều khi vào nhà vệ sinh cứ phải chờ đợi nhau. Hơn nữa, nhà vệ sinh bên nhà C lỗi thời quá, hiện chúng em rất ngại đi vệ sinh ở bên ngoài, nên toàn phải chờ đợi nhau để vào phòng vệ sinh có cửa" (PVS, nữ, SV năm 2, Khoa Quản trị kinh doanh).

"SV chúng em ngại nhất là gửi xe, vì toàn tắc đường thôi. Những ngày nắng nóng, mưa, chờ gửi xe, lấy xe rất khó chịu, bức mình" (PVS, nam, SV năm 3, Khoa Công tác xã hội).

Tóm lại, nhu cầu của SV về hoạt động hỗ trợ học tập hiện nay bao gồm: 1) được tư vấn về vấn đề việc làm sau khi ra trường; lịch trình, kế hoạch học tập; các môn học chuyên ngành. 2) SV mong muốn được biết rõ lịch học, lịch thi, lịch nghỉ các ngày lễ, Tết trong năm ngay từ đầu học kỳ; mong muốn kế hoạch thực hành, thực tập của các học phần được thông báo ngay từ đầu kỳ; 3) về cơ sở vật chất, SV mong muốn Nhà trường đưa hệ thống điều hòa đã được lắp đặt vào hoạt động để SV có không gian thoải mái nhất trong học tập; việc mở rộng nhà vệ sinh cũng được các bạn SV mong mỏi, cho là rất cần thiết; Nhà trường mở rộng cửa/nhiều cửa cho nhà xe.

5. Kết luận

Với quan điểm lấy người học là trung tâm của các hoạt động giáo dục đào tạo. Trong những năm qua, Trường Đại học Công đoàn đã có nhiều hoạt động chú trọng đặc biệt đến SV, cụ thể: có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt

(Xem tiếp trang 73)

NHẬN DIỆN MỐI NGUY VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ ĐIỆN TẠI NƠI LÀM VIỆC, CƠ QUAN, TRƯỜNG HỌC

 NGUYỄN THANH BÌNH*

Ngày nhận: 15/9/2023
Ngày phản biện: 19/11/2023
Ngày duyệt đăng: 01/12/2023

Tóm tắt: Việc nhận diện đúng các mối nguy hiểm về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học, sẽ giúp thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa và đảm bảo an toàn điện. Nhận biết được các mối nguy trong từng khu vực, của từng thiết bị sẽ đề ra được biện pháp kiểm soát hiệu quả cho từng mối nguy. Đồng thời giúp người lao động nâng cao nhận thức về các biện pháp phòng tránh tai nạn cho bản thân mình và những người xung quanh góp phần giảm thiểu rủi ro về điện.

Từ khóa: rủi ro; nhận diện; mối nguy; điện

IDENTIFYING ELECTRICAL HAZARDS AND ASSESSING RISKS IN THE WORKPLACE

Abstract: Accurate identification of electrical hazards in the workplace, organizations, and schools will help implement proper preventive measures and ensure electrical safety. Recognizing hazards in each area and from each device will lead to effective control measures for each risk. At the same time, it helps workers enhance awareness of accident prevention measures for themselves and those around them, contributing to minimizing electrical risks.

Keywords: risk; identification; hazard; electricity

1. Đặt vấn đề

Điện năng đóng vai trò hết sức quan trọng, là yếu tố thúc đẩy trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội như: công nghiệp, nông nghiệp, y tế và chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dịch vụ, v.v. Nhờ có điện năng, người ta có thể ứng dụng các máy, trang-thiết bị điện vào mọi lĩnh vực, biến hầu hết các công việc thủ công thành cơ giới hóa, tự động hóa với công nghệ ngày càng hiện đại, dẫn đến chất lượng và năng suất lao động tăng lên vượt bậc.

Bên cạnh những mặt tích cực, thuận lợi của việc ứng dụng điện năng và sử dụng các máy, trang-thiết bị điện phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập kể trên thì thách thức chính là các nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn điện trong quá trình sử dụng chúng. Các máy, trang-thiết bị điện được sử dụng càng nhiều thì những nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn về điện, dẫn tới sự cố điện càng cao. Các sự cố điện có thể xảy ra trong quá trình sử dụng máy, trang-thiết bị điện như: điện giật, cháy nổ, sét đánh lan truyền, gây thiệt hại lớn về phương tiện thiết bị tài sản, gây thương tật cho người sử dụng, thậm chí có thể thiệt hại cả tính mạng, tạo ra những hệ lụy xấu cho xã hội.

2. Một vài khái niệm liên quan

2.1. Tai nạn điện

Tai nạn điện được hiểu đơn giản là những tai nạn, sự cố xảy ra mà nguyên nhân là do những tác động của dòng điện gây ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc tổn thương bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể thậm chí nguy hiểm tới tính mạng của con người.

Tai nạn điện là hậu quả của một trong những sự cố về điện phổ biến có thể xảy ra ở bất kỳ đâu tồn tại năng lượng điện như trong: gia đình, quan đơn vị hành chính sự nghiệp, siêu thị, nhà hàng, trung tâm thương mại, nhà máy xí nghiệp trực tiếp sản xuất, trạm điện, nhà máy điện, v.v.

Tai nạn điện có thể được phân ra các dạng: Chấn thương do điện và điện giật.

2.2. An toàn điện

An toàn điện là một hệ thống các biện pháp tổ chức và phương tiện kỹ thuật để ngăn chặn các tác động nguy hiểm và có hại đối với mạng lưới điện, máy - thiết bị và con người từ các yếu tố như dòng điện, hồ quang điện, trường điện từ và tĩnh điện. An toàn điện là một trong những vấn đề quan trọng

* Trường Đại học Công đoàn

của công tác bảo hộ lao động. Những biện pháp an toàn điện giúp chúng ta được bảo vệ tốt hơn khi tiếp xúc, làm việc trong môi trường có nguy cơ xảy ra tai nạn điện như: công sở, cơ quan, trường học, nhà máy, phân xưởng, công trình, v.v. Những nguyên nhân có thể dẫn đến tai nạn điện: thiếu các hiểu biết về an toàn điện; không tuân theo các quy tắc về an toàn điện.

3. Nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học

Mối nguy luôn tồn tại trong mọi quá trình sản xuất, rất đa dạng và với các cấp độ khác nhau. Vấn đề đặt ra là chúng ta không đủ năng lực để kiểm soát được tất cả các mối nguy đó. Vậy cần thiết phải thực hiện nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro nhằm đưa ra được biện pháp kiểm soát rủi ro, từ đó tập trung nguồn lực cho việc kiểm soát rủi ro ở những vị trí hoặc những công việc có bậc rủi ro cao, tránh dàn trải vừa lãng phí nguồn lực vừa không đạt hiệu quả.

Đánh giá rủi ro về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học với những đặc thù riêng: môi trường công sở, sử dụng các máy, thiết bị điện phục vụ công việc văn phòng, nghiên cứu, giảng dạy và các công việc phụ trợ. Người sử dụng điện ít có sự chú ý đến lĩnh vực an toàn điện mặc dù họ có thể nắm được những vấn đề cần thiết về an toàn điện nhưng đôi

khí quên, sao nhãng; hầu như không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Trình tự thực hiện nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học được trình bày như sơ đồ dưới đây. Phương pháp ma trận rủi ro được sử dụng trong nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học.

3.1. Nhận diện mối nguy về điện

Mối nguy và sự cố về điện

Các hiện tượng rò điện, hở điện, chập điện, cháy nổ hỏa hoạn, sét đánh trực tiếp, sét đánh lan truyền hay cảm ứng, v.v đều có khả năng xảy ra và gây nguy hiểm cho người hoặc tài sản, nhưng nếu chúng chưa xảy ra thì đều được hiểu là những mối nguy về điện. Mối nguy về điện luôn tồn tại trong quá trình sử dụng điện.

Cũng là những hiện tượng rò điện, hở điện, chập điện, cháy nổ hỏa hoạn, sét đánh trực tiếp, sét đánh lan truyền hay cảm ứng, v.v như trên nhưng đã xảy ra thì được gọi là sự cố về điện. Sự cố về điện có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng người sử dụng cũng như gây hư hỏng, thiệt hại về thiết bị tài sản. Tuy nhiên sự cố về điện thì có thể kiểm soát được.

Nhận diện mối nguy về điện

Nhận diện mối nguy về điện chính là quá trình vận dụng kiến thức, sự hiểu biết, kinh nghiệm để nhận biết sự tồn tại của các mối nguy về điện, chỉ rõ các mối nguy và hậu quả của sự cố về điện.

Trong phạm vi công sở, cơ quan, trường học, do đặc thù riêng nên luôn tồn tại mối nguy về điện chủ yếu như:

- + Rò điện hở điện tại một số máy-thiết bị điện có nguy cơ cao như máy bơm nước, điều hòa không khí, dẫn tới điện giật, ngã cao.

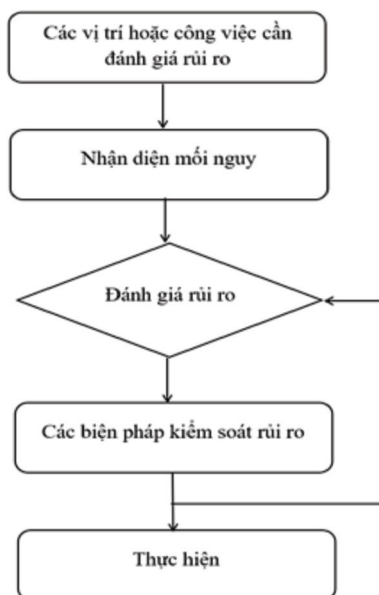
- + Quá tải, chập điện dẫn tới cháy nổ hỏa hoạn có thể gây thương vong về người gây thiệt hại nặng nề về thiết bị và tài sản.

- + Sét đánh, sét đánh lan truyền theo đường dây điện gây thương vong về người, thiệt hại về thiết bị tài sản.

3.2. Đánh giá rủi ro về điện

Đánh giá rủi ro về điện cũng chính là việc xác định mức độ rủi ro về điện tức là xác định tần suất xảy ra sự cố điện và mức độ thiệt hại.

Tần suất xảy ra sự cố điện được hiểu là khả năng



Hình 1. Trình tự thực hiện nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro về điện

(Nguồn: Đào Bằng Giang (2023), Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường ĐHCĐ)

xảy ra/xác suất xảy ra sự cố điện. Tần suất xảy ra sự cố điện được chia thành 5 cấp độ, với mức điểm được cho từ 1 đến 5.

Bảng 1. Tần suất xảy ra sự cố điện

Thứ tự	Tần suất xảy ra sự cố điện (Có thể sử dụng 1 trong 2 tiêu chí)		Mức điểm
1	Hiếm khi	< 0.0001 (có ít hơn 01 lần xảy ra sự cố/10000 hoạt động/1 năm)	1
2	Ít khi (01 lần/2 năm)	Từ 0.001 - 0.0001 (có 01 lần xảy ra sự cố/1000-10000 hoạt động/1 năm)	2
3	Trung bình (01 lần/12 tháng)	Từ 0.01 - 0.001 (có 01 lần xảy ra sự cố/100-1000 hoạt động/1 năm)	3
4	Thường xuyên (01 lần/06 tháng)	Từ 0.1 - 0.01 (có 01 lần xảy ra sự cố/10-100 hoạt động/1 năm)	4
5	Rất thường xuyên (01 lần/03 tháng)	> 0.1 (có hơn 01 lần gặp rủi ro/10 hoạt động/1 năm)	5

(Nguồn: Đào Bằng Giang (2023), Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường ĐHCĐ).

Mức độ thiệt hại do sự cố điện

Mức độ thiệt hại bao gồm hậu quả thương vong cho người và thiệt hại với tài sản. Mức độ thiệt hại được chia thành 5 cấp độ, với mức điểm được cho từ 1 đến 5.

+ Thương vong cho người: Sự cố điện, tai nạn điện thường gây ra dòng điện chạy qua cơ thể, gây ra những tác động nhiệt, tác động điện phân, tác động sinh học để lại những thương tật và hậu quả nặng nề: bỏng cho bề mặt da, cơ thịt và nội tạng; mất cân bằng điện sinh học của tế bào thần kinh; phá vỡ công thức máu; rung cơ tim dẫn tới ngừng tim và ngừng hô hấp v.v. Dòng điện gây ra điện giật còn có thể là nguyên nhân gián tiếp dẫn tới những tai nạn do ngã cao.

+ Thiệt hại với tài sản: Cháy nổ do chập điện và sét đánh có thể dẫn tới thiệt hại nặng nề về máy, thiết bị điện tử, công trình, nhà cửa và tài sản (xem bảng 2).

Mức độ rủi ro do sự cố điện

Là sự kết hợp giữa tần suất xảy ra (khả năng xảy ra/xác suất xảy ra) sự cố điện và mức độ thiệt hại.

Khả năng nhận biết rủi ro sự cố điện

Khả năng nhận biết rủi ro được chia thành 4 cấp độ, với mức điểm được cho từ 1 đến 4.

Đánh giá rủi ro về điện

Bảng 2: Mức độ thiệt hại do sự cố điện

Thứ tự	Mức độ thiệt hại	Mô tả	Mức điểm
1	Không đáng kể	Dòng điện tác động tới người nhỏ, thời gian tác động rất ngắn, nên thương tật không đáng kể: bỏng nhẹ bề mặt da chân tay, hoàn toàn tính táo. Xử lý sơ cứu tại chỗ, có thể cho phép trở lại làm việc. Không có thiệt hại về máy, thiết bị và tài sản.	1
2	Nhẹ	Dòng điện tác động tới người hoặc thời gian tác động tăng lên, gây thương tật nhẹ: bỏng bề mặt da chân tay, bỏng thịt đau buốt, vẫn tính táo hoặc chỉ hôn mê trong giây lát rồi tỉnh. Điều trị tại cơ sở y tế. Không có tổn thất lớn về thời gian lao động (thời gian nghỉ việc nhỏ hơn 7 ngày). Thiệt hại nhẹ về máy, thiết bị và tài sản.	2
3	Trung bình	Dòng điện tác động tới người hoặc thời gian tác động khá lớn, nên thương tật đáng kể: bỏng sâu bề mặt da chân tay, vùng tim và lồng ngực đau buốt, mất tri giác nhưng vẫn còn thức nhẹ, tim đập yếu hoặc đã ngừng đập trong khoảng thời gian ngắn và đập trở lại sau khi được cấp cứu hồi sinh. Điều trị tại cơ sở y tế. Tổn thất lớn về thời gian lao động, phải nghỉ việc từ 7 ngày trở lên. Thiệt hại đáng kể về máy, thiết bị và tài sản.	3
4	Lớn	Dòng điện tác động tới người hoặc thời gian tác động rất lớn, có thể bị phóng điện hồ quang, có thể bị ngã từ trên cao do tác động của dòng điện nên thương tích rất nặng dẫn tới thương tật vĩnh viễn, tàn phế: bỏng diện rộng, thương tật ở vùng đầu, cổ, mặt, ngực, bụng, chi trên, chi dưới. PL II - Phải điều trị rất dài ngày tại cơ sở y tế. Mất khả năng lao động. Gây thương vong cho nhiều người, thiệt hại lớn về máy, thiết bị và tài sản.	4
5	Thảm khốc	Tử vong. Thiệt hại rất lớn về máy, thiết bị và tài sản.	5

(Nguồn: Đào Bằng Giang (2023), Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường ĐHCĐ)

Đánh giá rủi ro về điện là quá trình phân tích, nhận diện nguy cơ và hậu quả của sự cố điện tại nơi làm việc một cách định lượng thông qua bậc rủi ro để từ đó đưa ra các giải pháp chủ động phòng ngừa. Có thể chia thành 4 bậc rủi ro.

Bảng 3. Mức độ rủi ro

Mức độ rủi ro = Tần suất xảy ra sự cố điện * Mức độ thiệt hại					
Tần suất xảy ra sự cố điện	Mức độ thiệt hại				
	1	2	3	4	5
1	1	2	3	4	5
2	2	4	6	8	10
3	3	6	9	12	15
4	4	8	12	16	20
5	5	10	15	20	25

(Nguồn: Đào Bằng Giang (2023), Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường ĐHCĐ)

Bảng 4. Khả năng nhận biết rủi ro

Thứ tự	Cấp độ	Khả năng nhận biết rủi ro	Mức điểm
1	Dễ	Rủi ro hiện hữu chắc chắn nhận biết được: dây điện tróc vỏ, hở điện; dây điện đứt rơi xuống chỗ người qua lại; dây dẫn hoặc cáp điện treo quá thấp, quá vòng hoặc rải trực tiếp trên mặt đất hoặc có nhiều mối nối, v.v.	1
2	Trung bình	Rủi ro có thể nhận biết được thông qua các giác quan con người: mùi khét của nhựa cháy do dây dẫn bị đốt nóng, quá tải; âm thanh bất thường từ thiết bị; ánh sáng bất thường từ đèn; dây dẫn hoặc thiết bị tỏa nhiệt, v.v.	2
3	Khó	Rủi ro tiềm ẩn khó nhận biết, chỉ có thể nhận biết bằng cách dùng các thiết bị đo lường, hoặc cần bộ chuyên môn, chuyên gia: Sự cố rò điện do cách điện của dây dẫn và thiết bị điện bị lão hóa; Tủ điện với các đầu nối, điện cực hở có thể chạm vỏ, v.v.	3
4	Rất khó	Rủi ro tiềm ẩn, xuất hiện đột ngột, rất khó nhận biết: Sét đánh trực tiếp, sét đánh lan truyền; tải không phân đều cho các pha dẫn đến lưới điện không đối xứng; mất trung tính, quá điện áp, v.v.	4

(Nguồn: Đào Bằng Giang (2023) Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường ĐHCĐ)

Bảng 5. Phân loại mức độ rủi ro và các yêu cầu kiểm soát

Thứ tự	Số điểm rủi ro	Bậc rủi ro	Mức độ rủi ro	Các yêu cầu kiểm soát
1	(1÷6)	I	Có thể chấp nhận được	Rủi ro không đáng kể, liên quan đến những hoạt động đã có thủ tục kiểm soát.
2	(8÷15)	II	Vừa phải, có mức độ	Rủi ro giảm đến mức chấp nhận được, đơn vị có thể chịu được.
3	(16÷30)	III	Rủi ro cao	Yêu cầu phải có biện pháp kiểm soát và cải thiện thêm, có thể yêu cầu giám sát theo định kỳ.
4	(32÷100)	IV	Không chấp nhận được	Những công việc liên quan đến rủi ro này không được phép tiếp tục nếu không có biện pháp giảm thiểu. Yêu cầu phải có kế hoạch giảm thiểu để đáp ứng.

(Nguồn: Đào Bằng Giang (2023), Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường ĐHCĐ)

4. Biện pháp kiểm soát rủi ro về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học

Kiểm soát rủi ro về điện

Loại bỏ, thay thế: Thay thế dây dẫn điện, tủ điện, máy, thiết bị điện với số điểm rủi ro được đánh giá ở mức cao hoặc không chấp nhận được bằng các thiết bị mới tương ứng. Loại bỏ được hoàn toàn rủi ro

nhưng kèm theo chi phí cao. Cần có sự tính toán so sánh kinh tế kỹ thuật.



Hình 2. Các biện pháp kiểm soát rủi ro về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học (Nguồn: Đào Bằng Giang (2023), Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại trường ĐHCĐ)

Giải pháp kỹ thuật: Áp dụng bổ sung các giải pháp kỹ thuật hoàn thiện theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, văn bản pháp luật: nối đất bảo vệ, nối trung tính, sử dụng các thiết bị bảo vệ tự động cắt mạch điện khi có sự cố.

Giải pháp hành chính, chính sách: Biển báo và các tín hiệu cảnh báo nguy hiểm điện. Trang bị cập nhật bằng nhiều hình thức nhiều kênh kiến thức về đảm bảo an toàn điện, phòng ngừa rủi ro về điện. Áp dụng các quy định về quy trình vận hành, làm việc an toàn, sửa chữa bảo trì cho người sửa chữa vận hành lưới điện. Huấn luyện định kỳ theo quy định của pháp luật về an toàn điện cho người sửa chữa vận hành lưới điện. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người sửa chữa, vận hành lưới điện.

Bảng 6. Biện pháp kiểm soát rủi ro về điện tại nơi làm việc, cơ quan, trường học

Thứ tự	Bậc rủi ro	Mức độ rủi ro	Biện pháp kiểm soát rủi ro
	III	Rủi ro cao	+ Loại bỏ dây dẫn điện, tủ điện, máy, thiết bị điện tại các vị trí có bậc rủi ro được đánh giá ở mức cao, thay thế bằng cách thay thế thiết bị mới.
	IV	Không chấp nhận được	+ Các biện pháp kỹ thuật, sửa chữa, khắc phục tình trạng của máy, thiết bị điện có bậc rủi ro cao. + Các biện pháp hành chính, chính sách: phương tiện bảo vệ cá nhân, biển báo, huấn luyện định kỳ an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ).

(Nguồn: Đào Bằng Giang (2023), Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường ĐHCĐ)

5. Kết luận

Nghiên cứu thực trạng đảm bảo an toàn điện là một việc cần thiết, nhất là tại nơi làm việc, cơ quan, trường học... do mạng lưới điện và các thiết bị điện được đưa vào sử dụng đã lâu năm nên vấn đề đảm bảo an toàn điện đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết. Do vậy nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và kiểm soát rủi ro trong cung cấp và sử dụng điện tại những địa điểm trên là vô cùng cần thiết. □

Tài liệu tham khảo

1. Văn Đình An, Nguyễn Ngọc Bảo (1996), *Hướng dẫn thực hiện các biện pháp an toàn điện*, Hà Nội, NXB Lao động.
2. Đỗ Thị Lan Chi (2021), *Đánh giá an toàn phòng cháy chữa cháy cho các khối công trình tại trường Đại học Công đoàn*, Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, Trường Đại học Công đoàn.
3. Đào Bằng Giang (2023), *Giải pháp đảm bảo an toàn điện tại Trường*

Đại học Công đoàn, Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, Trường Đại học Công đoàn.

3. Chính phủ (2016), *Nghị định số 39/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động*, Hà Nội.
4. Bộ Công nghiệp (2006), *"Quy phạm trang bị điện - Phần I: Quy định chung 11 TCN-18-2006"*, Hà Nội.
5. Lưu Sỹ Hùng, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Huệ Linh, Phạm Hồng Thao, (2017), *"Nghiên cứu các hình thái tổn thương do điện trong giám định y pháp"*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Y Dược, (2), 115-119.
6. Trần Quang Khánh (2012), *Bảo hộ lao động và kỹ thuật an toàn điện*, Hà Nội, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
7. Đại học Phòng cháy Chữa cháy (2019), *"Nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh cháy nổ do chập điện"*, <https://daihocppcc.edu.vn/2019/06/25/tin-tuc-phong-chay-chua-chay-184024/>.

NHU CẦU HỖ TRỢ HỌC TẬP...

(Tiếp theo trang 62)

động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học; hình thành hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học; tạo dựng được môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Tuy nhiên, vẫn còn những điểm tồn tại như: 1) Nhà trường chưa có đơn vị chuyên trách về hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV, hoạt động này vẫn do phòng Công tác sinh viên đảm nhận nên việc liên hệ thực tập, thực tế trao đổi, hợp tác với người sử dụng lao động, các tổ chức xã hội còn chưa phong phú. 2) Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập còn nhiều khoảng trống, tỉ lệ SV bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học và thôi học trong toàn trường xu hướng gia tăng. 3) Chưa bố trí nơi để xe của SV một cách hợp lý ảnh hưởng đến cảnh quan chung của Trường, cũng như gây ra những bất tiện đối với SV.

Do vậy, nhu cầu của SV hiện nay về hoạt động hỗ trợ học tập gắn với mong muốn khắc phục những điểm còn tồn tại nêu trên. Cụ thể: SV mong muốn được tư vấn về vấn đề việc làm sau khi ra trường, lịch trình, kế hoạch học tập; mong muốn được giám sát chặt chẽ hơn sự tiến bộ trong học tập; mong muốn Nhà trường đưa hệ thống điều hòa đã được lắp đặt vào hoạt động để SV có không gian thoải mái nhất trong học tập; mở rộng nhà vệ sinh, mở rộng cửa/nhiều cửa cho nhà xe. □

Tài liệu tham khảo

1. Brindley, G. (1989), *The Role of Needs Analysis in Adult ESL Programme Design*. In R. Johnson (Ed.). *The second language curriculum* (pp.63-78), Cambridge University Press.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học - ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng*.
3. Long, M. H. (2005), *A Rationale for Needs Analysis and Needs Analysis Research*. In M. H. Long (Ed.). *Second Language Needs Analysis*, Cambridge University Press 1-16.
4. Richards, J. c., & Schmidt, R. w. (2002), *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics* (3rd Ed.). Longman.
5. Trường Đại học Công đoàn (2021), *Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành*.